

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**

(Kèm theo Quyết định số 1256 QĐ-ĐHKH ngày 18/6/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học)

Tên ngành đào tạo (tiếng Việt): Quản lý công

Tên ngành đào tạo (tiếng Anh): Public management

Ngành đào tạo: Khoa học quản lý

Mã ngành: 8340401

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Thời gian đào tạo: 18 - 24 tháng

Văn bằng tốt nghiệp: Bằng Thạc sĩ Khoa học quản lý

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo *Quản lý công* trình độ thạc sĩ ngành Khoa học quản lý theo định hướng ứng dụng giúp người học có được kiến thức, kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực khoa học quản lý; có khả năng nghiên cứu, làm việc độc lập, sáng tạo; có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý do thực tiễn đặt ra; Đặc biệt, chương trình trú trọng đến việc nâng cao năng lực quản lý và lãnh đạo cho cán bộ làm việc trong các tổ chức công thuộc bộ máy nhà nước (đặc biệt là chính quyền địa phương). Đồng thời, rèn luyện cho người học khả năng tư duy, phân tích, phát hiện và giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực công và chính sách công, từ đó vận dụng kiến thức, phương pháp và các kỹ năng quản lý để tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu chiến lược chính sách của tổ chức công.

1.2. Mục tiêu cụ thể

*** Về kiến thức**

- PO1: Trang bị cho người học một nền tảng kiến thức quản lý hiện đại toàn diện, kỹ năng nghiên cứu khoa học và kỹ năng quản lý – lãnh đạo hiệu quả, đồng thời biết vận dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả hoạt động tổ chức.

- PO2: Trang bị cho người học những kiến thức khoa học chuyên sâu về khoa học quản lý nói chung và kiến thức chuyên sâu về quản lý và lãnh đạo gắn liền với khu vực công, trong đó tập trung vào năng lực xác định tầm nhìn và sứ mạng của tổ chức công; hoạch định, tổ chức triển khai, và kiểm soát việc thực hiện các chiến lược và kế hoạch nhằm đạt được mục tiêu chính sách với hiệu quả cao nhất; quản lý tổ chức công ở các lĩnh vực như nhân sự, tài chính, quản lý chương trình, dự án, tổ chức chính quyền địa phương, quản lý và xử lý khủng hoảng truyền thông,...

*** Về kỹ năng**



- PO3: Rèn luyện kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực quản lý nói chung, quản lý công nói riêng cụ thể để phục vụ nghiên cứu, phát có khả năng nghiên cứu, làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- PO4: Rèn luyện khả năng tổ chức giải quyết các tình huống quản lý phát sinh trong thực tiễn; Có khả năng giao tiếp, xác định nhu cầu của người dân, xử lý xung đột, quản lý sự thay đổi, đồng thời động viên, lãnh đạo dẫn dắt các cá nhân hướng vào mục tiêu của tổ chức.

* Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- PO5: Giúp người học có khả năng tự chủ trong việc đánh giá, lựa chọn và đưa ra các quyết định quản lý phù hợp với bối cảnh hành chính – công vụ đang thay đổi nhanh chóng, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công.

- PO6: Hướng đến việc đào tạo những cán bộ, công chức, viên chức và nhà quản lý công có khả năng lãnh đạo, điều hành tổ chức nhà nước một cách hiệu quả, có đạo đức nghề nghiệp, biết chịu trách nhiệm với các quyết định và hành động của mình trước tổ chức và xã hội.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

* Về kiến thức

- PLO1: Áp dụng được kiến thức chung trong tiếp cận, xem xét các vấn đề về quản lý, quản lý công.

- PLO2: Áp dụng được những kiến thức chuyên sâu, hiện đại về khoa học quản lý, quản lý công trong quản lý tổ chức công, khu vực công, lĩnh vực công theo quy trình và lĩnh vực hoạt động.

* Về kỹ năng

- PLO3: Thực hiện được các hoạt động lập kế hoạch, tổ chức chỉ đạo và đánh giá kết quả triển khai thực hiện kế hoạch trong tổ chức công.

- PLO4: Thực hiện được việc phân tích hiện trạng các nguồn lực của tổ chức, các khía cạnh khác nhau trong thực tiễn quản lý tổ chức công.

- PLO5: Xây dựng được chính sách, chiến lược phát triển các vấn đề thuộc lĩnh vực công.

- PLO6: Thành thạo kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng truyền đạt, đàm phán, thuyết phục và truyền thông với tư duy phản biện làm sáng rõ các vấn đề trong phạm vi khoa học quản lý, quản lý công.

- PLO7: Tổ chức triển khai được hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng trong lĩnh vực quản lý, quản lý công.

- PLO8: Sử dụng một cách thành thạo công nghệ thông tin trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.

- PLO9: Đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 (B2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

* Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- PLO10: Có khả năng làm việc độc lập, tự chủ trong các tình huống nghề nghiệp phức tạp; có năng lực đưa ra các quyết định quản lý phù hợp trong bối cảnh hành chính công có nhiều thay đổi, đa chiều và yêu cầu trách nhiệm giải trình cao.

- PLO11: Năng lực tổ chức, dẫn dắt nhóm làm việc để giải quyết các vấn đề chuyên môn, nghiên cứu hoặc sáng kiến chính sách trong quản lý công; hỗ trợ và định hướng nghề nghiệp cho đồng nghiệp và cấp dưới.

3. Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
PO1	x	x								x	x
PO2			x	x							
PO3			x	x	x	x				x	x
PO4						x	x	x	x	x	
PO5										x	x
PO6										x	x

4. Chuẩn đầu vào

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

5. Vị trí hay công việc có thể đảm nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp

- Lãnh đạo, quản lý, chuyên viên các cơ quan của Đảng, chính quyền, ban ngành từ trung ương đến địa phương; Các cơ quan đoàn thể quần chúng (như lãnh đạo Mặt trận Tổ Quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ các cấp), Các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp như: các Hội, các Hiệp hội, Cơ quan báo chí...

- Phụ trách, chuyên viên bộ phận hoạch định, phát triển chính sách công; tư vấn chính sách, quản lý rủi ro ở cấp độ vi mô và vĩ mô về quản lý nói chung, quản lý công nói riêng.

- Nghiên cứu chuyên sâu về khoa học quản lý, quản lý công; giảng dạy tại các trường đại học, các viện, trung tâm nghiên cứu chuyên sâu về khoa học quản lý, quản lý công.

- Người học có thể tiếp tục làm nghiên cứu sinh tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước về lĩnh vực khoa học quản lý; quản lý công.

6. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ

Chương trình đào tạo thạc sĩ Khoa học quản lý định hướng ứng dụng Quản lý công của Trường Đại học Khoa học có khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ bao gồm 3 khối kiến thức: Khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở, khối kiến thức chuyên ngành, khối kiến thức thực tế, thực tập và Đề án.

7. Thông tin tuyển sinh

7.1. Hình thức tuyển sinh:

- Thi tuyển;
- Xét tuyển;

- Kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển
(Thực hiện theo Đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ của ĐHTN và Trường ĐHKH).

7.2. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

Thực hiện theo Thông tư số 23/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và Quyết định số 127/QĐ-ĐHTN ngày 28/1/2022 của Giám đốc ĐHTN ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của ĐHTN.

8. Nội dung chương trình đào tạo

8.1. Khái quát chương trình:

- Phần kiến thức chung: 09 tín chỉ
- Phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành: 34 tín chỉ
- + Các học phần bắt buộc: 16 tín chỉ
- + Các học phần tự chọn: 18 tín chỉ
- Thực tế, thực tập: 08 tín chỉ
- Đề án: 09 tín chỉ.

Bảng 1. Cấu trúc khung CTĐT trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng Quản lý công

KHỐI KIẾN THỨC				SỐ TÍN CHỈ		TỶ LỆ (%)
KHỐI KIẾN THỨC CHUNG	Triết học		4	9	15,0%	
	Tiếng Anh		5			
KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH	Khối kiến thức cơ sở (16TC)	Bắt buộc	7	16	26.7%	
		Tự chọn	9			
	Khối kiến thức chuyên ngành (18TC)	Bắt buộc	9	18	30,0%	
		Tự chọn	9			
THỰC TẾ, THỰC TẬP TỐT NGHIỆP				08	13.4%	
ĐỀ ÁN				09	15%	
TỔNG SỐ				60	100	

8.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo:

Bảng 2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ LT-HĐTL/ BT, TL/Tự học
I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			9	
1	PHI141	Triết học (<i>Philosophy</i>)	4	60/0/120
2	ENG151	Tiếng Anh (<i>English</i>)	5	75/0/150
II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			16	
1. Học phần bắt buộc (2 học phần)			7	
3	MMS231	Khoa học quản lý hiện đại (<i>Modern Management Science</i>)	3	30/30/90

4	RMM241	Phương pháp nghiên cứu trong KHQL (<i>Research Methods in Management Science</i>)	4	45/30/120
2. Học phần tự chọn (<i>chọn 3 trong số các học phần</i>)			9	
5	LSK231	Kỹ năng lãnh đạo (<i>Leadership Skills</i>)	3	30/30/90
6	MIR231	Quản lý trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 (<i>Management in the Era of Industry 4.0</i>)	3	30/30/90
7	ITM231	Ứng dụng ICT trong quản lý (<i>Application of ICT in Management</i>)	3	30/30/90
8	OBM231	Quản lý hành vi trong tổ chức (<i>Organizational Behavior Management</i>)	3	30/30/90
9	POL231	Chính sách công (<i>Public policy</i>)	3	30/30/90
10	CPS231	So sánh hệ thống chính trị (<i>Comparative Political Systems</i>)	3	30/30/90
III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			18	
Kiến thức bắt buộc (<i>3 học phần</i>)			9	
11	POM331	Quản lý tổ chức công (<i>Public Organization Management</i>)	3	30/30/90
12	PSM331	Quản lý dịch vụ công (<i>Public Service Management</i>)	3	30/30/90
13	CSM331	Thực hiện hoạt động quản lý công vụ, công chức (<i>Implementation of Civil Service and Public Employee Management Activities</i>)	3	30/30/90
Kiến thức tự chọn (<i>Chọn 3 trong số các học phần</i>)			9	
14	DTP331	Chuyển đổi số trong khu vực công (<i>Digital Transformation in the Public Sector</i>)	3	30/30/90
15	PFM331	Quản lý tài chính công (<i>Public Financial Management</i>)	3	30/30/90
16	PIP331	Thẩm định và quản lý các dự án đầu tư công (<i>Appraisal and Management of Public Investment Projects</i>)	3	30/30/90
17	LGM331	Tổ chức và quản lý chính quyền địa phương (<i>Organization and Management of Local Government</i>)	3	30/30/90
18	ACP331	Kỹ năng giao tiếp hành chính và quan hệ công chúng (<i>Administrative Communication Skills and Public Relations</i>)	3	30/30/90
19	CMP331	Quản lý thay đổi trong khu vực công (<i>Change Management in the Public Sector</i>)	3	30/30/90

20	PAE331	Phân tích và đánh giá chính sách công (<i>Policy Analysis and Evaluation</i>)	3	30/30/90
21	CMR331	Quản lý và xử lý khủng hoảng truyền thông trong tổ chức công (<i>Crisis Management and Resolution</i>)	3	30/30/90
IV. THỰC TẾ, THỰC TẬP, ĐỀ ÁN			17	
22	FIE421	Thực tế 1 (<i>Field Experience 1</i>)	2	0/60/60
23	FIE432	Thực tế 2 (<i>Field Experience 2</i>)	3	0/90/90
24	GRI431	Thực tập tốt nghiệp (<i>Graduation Internship</i>)	3	0/90/90
25	PRO491	Đề án (<i>Master Thesis</i>)	9	0/270/270

9. Kế hoạch đào tạo

Bảng 3. Kế hoạch đào tạo và phân kì các môn học

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Năm 1		Năm 2	
				HK1	HK2	HK3	HK4
I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			9				
1	PHI141	Triết học (Philosophy)	4				
2	ENG151	Tiếng Anh (English)	5				
II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			16				
1. Học phần bắt buộc (2 học phần)			7				
3	MMS231	Khoa học quản lý hiện đại (Modern Management Science)	3				
4	RMM241	Phương pháp nghiên cứu trong KHQL (Research Methods in Management Science)	4				
2. Học phần tự chọn (chọn 3 trong số các học phần)			9				
5	LSK231	Kỹ năng lãnh đạo (Leadership Skills)	3				
6	M4R231	Quản lý trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 (Management in the Era of Industry 4.0)	3				
7	ICM231	Ứng dụng ICT trong quản lý (Application of ICT in Management)	3				
8	OBM231	Quản lý hành vi trong tổ chức (Organizational Behavior Management)	3				
9	POL231	Chính sách công (Public policy)	3				
10	CPS231	So sánh hệ thống chính trị (Comparative Political Systems)	3				



III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH				18				
Kiến thức bắt buộc (3 học phần)				9				
11	POM331	Quản lý tổ chức công (Public Organization Management)	3					
12	PSM331	Quản lý dịch vụ công (Public Service Management)	3					
13	CSM331	Thực hiện hoạt động quản lý công vụ, công chức (Implementation of Civil Service and Public Employee Management Activities)	3					
Kiến thức tự chọn (Chọn 3 trong số các học phần)				9				
14	DTP331	Chuyển đổi số trong khu vực công (Digital Transformation in the Public Sector)	3					
15	PFM331	Quản lý tài chính công (Public Financial Management)	3					
16	PIP331	Thẩm định và quản lý các dự án đầu tư công (Appraisal and Management of Public Investment Projects)	3					
17	LGM331	Tổ chức và quản lý chính quyền địa phương (Organization and Management of Local Government)	3					
18	ACP331	Kỹ năng giao tiếp hành chính và quan hệ công chúng (Administrative Communication Skills and Public Relations)	3					
19	CMP331	Quản lý thay đổi trong khu vực công (Change Management in the Public Sector)	3					
20	PAE331	Phân tích và đánh giá chính sách công (Policy Analysis and Evaluation)	3					
21	CMR331	Quản lý và xử lý khủng hoảng truyền thông trong tổ chức công (Crisis Management and Resolution)	3					
IV. THỰC TẾ, THỰC TẬP, ĐỀ ÁN				17				
22	FIE421	Thực tế 1 (Field Experience 1)	2					
23	FIE432	Thực tế 2 (Field Experience 2)	3					
24	GRI431	Thực tập tốt nghiệp (Graduation Internship)	3					
25	PRO491	Đề án (Master Thesis)	9					

10. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp mức thấp; 2 = Đóng góp mức trung bình;
3 = Đóng góp mức cao)

[illegible]

11. Mô tả tóm tắt các học phần trong chương trình đào tạo:

11.1. Triết học:

- Số tín chỉ: 4;
- Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chung)*
- Các học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần Triết học trang bị cho học viên các chuyên đề về triết học và lịch sử triết học, về triết học Mác - Lênin, về thế giới quan và phương pháp luận khoa học; các nội dung triết học về chính trị, xã hội, con người; mối quan hệ giữa triết học với các khoa học, vai trò của khoa học công nghệ đối với sự phát triển của xã hội. Trên cơ sở đó, học viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết có hiệu quả những vấn đề đặt ra trong hoạt động nhận thức và thực tiễn; hình thành ý thức tự giác, tự chủ và sáng tạo trong suy nghĩ và trong hành động.

11.2. Tiếng Anh:

- Số tín chỉ: 5;
- Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chung)*
- Các học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần tiếng Anh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng tiếng Anh tương đương với trình độ bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Thông qua môn học, người học có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy và tự nhiên bằng tiếng Anh; có thể viết văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau; có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.

11.3. Khoa học quản lý hiện đại:

- Số tín chỉ: 3;
- Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức cơ sở)*
- Các học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần Khoa học quản lý hiện đại là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở nhằm trang bị cho người học những kiến thức nâng cao về khoa học quản lý trong đó tập trung vào các nội dung khái niệm và bản chất của quản lý, môi trường của quản lý, những nguyên tắc và phương pháp quản lý hiện đại, khái lược phân kỳ các học thuyết quản lý, chức năng, quy trình, thông tin trong quản lý.

11.4. Phương pháp nghiên cứu trong khoa học quản lý:

- Số tín chỉ: 4;
- Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức cơ sở)*
- Các học phần tiên quyết: *Triết, Khoa học quản lý hiện đại*
- Học phần Phương pháp nghiên cứu trong khoa học quản lý là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở nhằm cho người học những kiến thức về bản chất của nghiên cứu khoa học; các phương pháp nghiên cứu chủ yếu trong nghiên cứu khoa học quản lý. Trang bị cho người học kỹ năng phát hiện, nghiên cứu và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý trong thực tiễn và nắm được quy trình tiến hành một dự án nghiên cứu;

cách xác định đề tài nghiên cứu; cách thu thập và xử lý thông tin trong lĩnh vực khoa học quản lý (tiểu luận khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học, Luận văn/ Đề án ...).

11.5. Kỹ năng lãnh đạo:

- Số tín chỉ: 3;
- Loại học phần: *Tự chọn (Khối kiến thức cơ sở)*
- Các học phần tiên quyết: *Khoa học quản lý hiện đại*
- Học phần Kỹ năng lãnh đạo là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý, khoa học lãnh đạo, phân biệt giữa lãnh đạo và quản lý, vai trò và tầm quan trọng của lãnh đạo, lãnh đạo trong hệ thống chính trị và các kỹ năng lãnh đạo. Giúp người học có khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng thành thực các kỹ năng lãnh đạo như kỹ năng định hướng, kỹ năng xây dựng sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược và mục tiêu, kỹ năng truyền đạt mục tiêu, kỹ năng truyền cảm hứng, kỹ năng động viên, kỹ năng quản lý và tác nghiệp của người lãnh đạo.

11.6. Quản lý trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0:

- Số tín chỉ: 3;
- Loại học phần: *Tự chọn (Khối kiến thức cơ sở)*
- Các học phần tiên quyết: *Khoa học quản lý hiện đại*
- Học phần Quản lý trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về xu thế, đặc điểm của toàn cầu hóa và những ảnh hưởng, tác động của nó đối với Việt Nam, quá trình Việt Nam chủ động hội nhập quốc tế trong xu thế toàn cầu hóa; Trang bị cho người học khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng kỹ năng đàm phán, kỹ năng chủ động trong hội nhập, kỹ năng ngoại ngữ, tin học trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0.

11.7. Ứng dụng ICT trong quản lý:

- Số tín chỉ: 3;
- Loại học phần: *Tự chọn (Khối kiến thức cơ sở)*
- Các học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần Ứng dụng ICT trong quản lý là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về hệ thống thông tin; các thành phần cơ bản của hệ thống thông tin; thiết kế cơ sở dữ liệu; xây dựng và phát triển hệ thống thông tin; Ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ cho việc ra quyết định của nhà quản lý.

11.8. Quản lý hành vi trong tổ chức:

- Số tín chỉ: 3;
- Loại học phần: *Tự chọn (Khối kiến thức cơ sở)*
- Các học phần tiên quyết: *Khoa học quản lý hiện đại*
- Học phần Quản lý hành vi trong tổ chức là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về khoa học hành vi trong tổ chức để giúp họ hiểu được nhu cầu, động cơ thúc đẩy hành vi của các thành viên trong tổ



chức để lựa chọn phong cách lãnh đạo và tác động quản lý phù hợp nhằm phát huy cao nhất năng lực của tổ chức. Trang bị cho người học khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng các kỹ năng nhận định nhu cầu, động cơ thúc đẩy của các thành viên trong tổ chức và tạo ra động lực thúc đẩy các thành viên hành động thực hiện các mục tiêu mà tổ chức đã đề ra.

11.9. Chính sách công:

- Số tín chỉ: 3;
- Loại học phần: *Tự chọn (Khối kiến thức cơ sở)*
- Các học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần Chính sách công là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học kiến thức cơ chuyên sâu chính sách công, đánh giá việc ban hành, tổ chức thực hiện chính sách công. Trang bị cho người học khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức chính sách công vào nâng cao hiệu quả hoạt động thực tiễn về chính sách của tổ chức.

11.10. So sánh hệ thống chính trị:

- Số tín chỉ: 3;
- Loại học phần: *Tự chọn (Khối kiến thức cơ sở)*
- Các học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần So sánh hệ thống chính trị là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về chế độ chính trị ở các thời kỳ như chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa, xã hội chủ nghĩa và một số chế độ chính trị xã hội ở số khu vực trên thế giới như châu Á, châu Âu, Châu Mỹ,... Đánh giá, so sánh ưu nhược điểm của các mô hình chính trị. Trang bị cho người học khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức chính trị học so sánh vào thực tiễn chính trị.

11.11. Quản lý tổ chức công

- Số tín chỉ: 3;
- Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*
- Các học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần Quản lý tổ chức công là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về quản lý tổ chức công như: Chiến lược, thiết kế và hiệu quả của tổ chức công; Cấu trúc cơ bản của tổ chức công; Môi trường bên ngoài của tổ chức công; Các mối liên hệ của tổ chức công; Quản lý chiến lược tổ chức công và thay đổi trong tổ chức công.

11.12. Phân tích và đánh giá chính sách công

- Số tín chỉ: 3;
- Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*
- Các học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần Phân tích và đánh giá chính sách công là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức chung và chuyên sâu về chính sách, tác nhân và tác động của chính sách, hiệu lực và hiệu quả của chính

sách, phân tích chính sách, đánh giá chính sách và quy trình các bước phân tích và đánh giá chính sách công.

11.13. Thực hiện hoạt động quản lý công vụ, công chức

- Số tín chỉ: 3;
- Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*
- Các học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần Thực hiện hoạt động quản lý công vụ, công chức là học phần là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về công vụ, công chức, phân biệt các nền công vụ, phân biệt các khái niệm cán bộ - công chức- viên chức và phân loại công chức; Vận dụng kiến thức trong nâng cao hiệu quả cải cách nền công vụ, công chức - một trong những nhiệm vụ quan trọng của nền hành chính ở Việt Nam hiện nay.

11.14. Chuyển đổi số trong khu vực công

- Số tín chỉ: 3;
- Loại học phần: *Tự chọn (Khối kiến thức chuyên ngành)*
- Các học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần Chuyển đổi số trong khu vực công là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ trong lĩnh vực chuyển đổi số trong khu vực công, trong đó nhấn mạnh khái niệm chuyển đổi số (*Digital transformation*); Bối cảnh và sự cần thiết chuyển đổi số; Nội dung đề án chuyển đổi số quốc gia; Chuyển đổi số nền kinh tế; Chuyển đổi số xã hội; Chuyển đổi số cơ quan nhà nước và một số ngành trọng điểm.

11.15. Quản lý tài chính công

- Số tín chỉ: 3;
- Loại học phần: *Tự chọn (Khối kiến thức chuyên ngành)*
- Các học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần Quản lý tài chính công là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức chung và chuyên sâu về tài chính công và quản lý tài chính công, chu trình lập dự toán, thực hiện dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước; quản lý thu - chi ngân sách nhà nước, quản lý cân đối ngân sách nhà nước, thanh tra và kiểm toán tài chính ngân sách nhà nước.

11.16. Thẩm định và quản lý các dự án đầu tư công

- Số tín chỉ: 3;
- Loại học phần: *Tự chọn (Khối kiến thức chuyên ngành)*
- Các học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần Thẩm định và quản lý các dự án đầu tư công là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ trong lĩnh vực đầu tư công và dự án đầu tư công để hình thành tư duy quản lý và lãnh đạo về lập, thẩm định dự án đầu tư công.

11.17. Tổ chức và quản lý chính quyền địa phương

- Số tín chỉ: 3;
- Loại học phần: *Tự chọn (Khối kiến thức chuyên ngành)*
- Các học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần Tổ chức và quản lý chính quyền địa phương là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về chính quyền địa phương, các mô hình chính quyền địa phương Việt Nam qua các thời kì lịch sử, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương, tổ chức chính quyền địa phương theo từng mô hình cụ thể, một số mô hình chính quyền địa phương trên thế giới và đánh giá vấn đề đổi mới chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay.

11.18. Kỹ năng giao tiếp hành chính và quan hệ công chúng

- Số tín chỉ: 3;
- Loại học phần: *Tự chọn (Khối kiến thức chuyên ngành)*
- Các học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần Kỹ năng giao tiếp hành chính và quan hệ công chúng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ trong lĩnh vực Kỹ năng giao tiếp hành chính như khái niệm giao tiếp, khái niệm giao tiếp hành chính; Vai trò của giao tiếp hành chính; Các kỹ năng giao tiếp hành chính cơ bản; Quan hệ giữa giao tiếp hành chính và văn hóa công sở; Kỹ năng xử lý khiếu nại tố cáo và tiếp công dân; Quan hệ công chúng; Vai trò của PR; Hoạch định chiến lược PR của tổ chức; PR nội bộ; Quan hệ báo chí; Quan hệ cộng đồng.

11.19. Quản lý thay đổi trong khu vực công

- Số tín chỉ: 3;
- Loại học phần: *Tự chọn (Khối kiến thức chuyên ngành)*
- Các học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần Quản lý thay đổi trong khu vực công là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ trong lĩnh vực quản lý sự thay đổi trong khu vực công như: Khái quát chung về quản lý sự thay đổi trong khu vực công; nhận diện những sự thay đổi trong khu vực công trong tổ chức; quá trình quản lý sự thay đổi trong khu vực công trong tổ chức; quản lý sự thay đổi trong khu vực công với môi trường bên ngoài tổ chức; những tình huống của sự thay đổi trong khu vực công thường gặp.

11.20. Quản lý dịch vụ công

- Số tín chỉ: 3;
- Loại học phần: *Tự chọn (Khối kiến thức chuyên ngành)*
- Các học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần Quản lý dịch vụ công là học phần là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về khái niệm dịch vụ, dịch vụ công, quản lý nhà nước đối với dịch vụ công và các đặc trưng của chúng. Đồng thời, người học cũng được cung cấp các kiến thức thực tế về thực trạng cung ứng

dịch vụ công của Việt Nam qua các loại hình dịch vụ công cơ bản; được nghiên cứu các quan điểm, phương hướng, giải pháp đổi mới quản lý và tổ chức cung ứng dịch vụ công trong bối cảnh hiện nay.

11.21. Quản lý và xử lý khủng hoảng truyền thông trong tổ chức công

- Số tín chỉ: 3;
- Loại học phần: *Tự chọn (Khối kiến thức chuyên ngành)*
- Các học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần Quản lý và xử lý khủng hoảng truyền thông trong tổ chức công là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về vai trò của quản lý khủng hoảng trong tổ chức và trong đời sống; hiểu và phân tích được bản chất và phân loại các cuộc khủng hoảng trong tổ chức công như khủng hoảng đến từ phía tổ chức, từ đội ngũ cán bộ, công chức, từ phía người dân, từ xã hội; hiểu và phân tích được vai trò của truyền thông trong xử lý khủng hoảng trong tổ chức công; liệt kê và phân tích các bước trong quy trình quản lý và xử lý khủng hoảng; Trang bị cho người học khả năng nhận diện, phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề khủng hoảng về truyền thông trong tổ chức công.

11.22. Thực tế 1

- Số tín chỉ: 2;
- Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức thực tập, thực tế, đề án)*
- Các học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần Thực tế 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức thực tập, thực tế, đề án nhằm trang bị cho người học có những nhìn nhận, đánh giá mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn quản lý ở cơ quan thực tế. Người học có thể chỉ ra được những ưu điểm và hạn chế trong công tác quản lý tại nơi thực tế, nguyên nhân của chúng và bước đầu có thể đề xuất những giải pháp về mặt quản lý nói chung. Hình thành cho người học những kỹ năng trong công việc chuyên môn, quan hệ nơi thực tế, hòa nhập vào môi trường làm việc của tổ chức.

11.23. Thực tế 2

- Số tín chỉ: 3;
- Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức thực tập, thực tế, đề án)*
- Các học phần tiên quyết: *Thực tế 1*
- Học phần Thực tế 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức thực tập, thực tế, đề án nhằm trang bị cho người học những hiểu về thực tiễn công tác quản lý trên một lĩnh vực cụ thể trong tổ chức. Thông qua những đánh giá, nhận định chung về tổ chức, người học có thể nhận diện được vấn đề tồn tại trong một lĩnh vực cụ thể trong tổ chức, phân tích đánh giá và bước đầu có thể đề xuất những giải pháp về mặt quản lý. Qua đó giúp người học biết vận dụng một cách sáng tạo nội dung kiến thức vào nhận diện, đánh giá vấn đề cụ thể trong thực tiễn quản lý của tổ chức với tư duy phản biện khoa học.

11.24. Thực tập tốt nghiệp - Số tín chỉ: 3;

- Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức thực tập, thực tế, đề án)*

- Các học phần tiên quyết: *Thực tế 1, Thực tế 2*

- Học phần Thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức thực tập, thực tế, đồ án tốt nghiệp nhằm trang bị cho người học những hiểu biết chuyên sâu về thực tiễn công tác quản lý trên một lĩnh vực cụ thể trong tổ chức. Thông qua những nhận định, phân tích, đánh giá về một lĩnh vực cụ thể trong tổ chức, người học có thể đề xuất những giải pháp có tính khả thi nhằm giải quyết triệt để các vấn đề còn tồn tại trong tổ chức. Qua đó giúp người học rèn luyện khả năng xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các giải pháp, tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra trong quá trình thực hiện kế hoạch phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của tổ chức.

11.25. Đề án

- Số tín chỉ: 9;

- Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức thực tập, thực tế, đồ án tốt nghiệp)*

- Các học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần Đề án là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức thực tập, thực tế, đồ án tốt nghiệp nhằm giúp người học vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và phương pháp nghiên cứu đã được trang bị trong suốt chương trình đào tạo để giải quyết một vấn đề cụ thể trong lĩnh vực chuyên môn. Cụ thể giúp học viên biết cách tích hợp và ứng dụng các lý thuyết, mô hình, và phương pháp đã học vào việc xây dựng, triển khai và hoàn thiện một đề án nghiên cứu hoặc đề án thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn. Qua đó, giúp nâng cao khả năng xác định vấn đề, thu thập – xử lý dữ liệu, phân tích tình huống và đưa ra giải pháp có căn cứ khoa học và tính khả thi cao; Kỹ năng lập luận logic, viết báo cáo khoa học, trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu trước hội đồng một cách rõ ràng, thuyết phục. Từ đó, góp phần đánh giá mức độ trưởng thành về chuyên môn, ý thức trách nhiệm, tinh thần nghiêm túc và trung thực trong nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào thực tiễn.

KHOA/VIỆN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Minh Tuấn

PHÒNG ĐÀO TẠO

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Vũ Xuân Khoa

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ và tên)



PGS.TS. Nguyễn Văn Đăng

ĐÀO TẠO
UYỆN